

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3282 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 06 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ ngành Tài nguyên và Môi trường
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành
chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số
9904/STNMT-VP ngày 28 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 38 thủ tục hành chính (TTHC)
nội bộ ngành Tài nguyên và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà
nước của tỉnh Đồng Nai (Danh mục, nội dung thủ tục hành chính nội bộ ngành Tài
nguyên và Môi trường kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; bãi bỏ 03 TTHC
nội bộ có số thứ tự 37, 38 và 39, Mục V thuộc Quyết định số 573/QĐ-UBND ngày
31/3/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp thủ tục hành chính nội bộ công bố tại Quyết định này đã được
cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc
bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Tài chính,
các sở, ban ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã và
các đơn vị liên quan có trách nhiệm:

1. Tổ chức triển khai niêm yết, công khai TTHC nội bộ tại trụ sở làm việc,
trên Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương; triển khai quán triệt thực hiện
tiếp nhận và xử lý hồ sơ theo trình tự, thời gian và nội dung thuộc thẩm quyền giải
quyết cho cá nhân, tổ chức theo quy định.

2. Triển khai rà soát đảm bảo tỷ lệ 100% TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền giải
quyết, quản lý chuyên ngành của đơn vị, địa phương được đánh giá, đề xuất đơn
giản hóa, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và kiến nghị Bộ Tài nguyên

và Môi trường, các Bộ, ngành Trung ương phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền theo Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định có liên quan đến nội dung TTHC nội bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý ngành để phối hợp đơn vị, địa phương liên quan tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền.

Điều 4. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Cổng thông tin điện tử tỉnh) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật công khai TTHC nội bộ đã được công bố lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, KTNS, THNC, Cổng TTĐT tỉnh, HCTC, HCC.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Sơn Hùng



1
Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Bản hành kèm theo Quyết định số: 3282 /QĐ-UBND ngày 06 / 11 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
A	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH			1
I	LĨNH VỰC QUỸ HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT			1
1.	Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Đất đai năm 2024; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai	1
2.	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Đất đai năm 2024; - Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ	3
II	LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC			4
3.	Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	4
4.	Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	5

Stt	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết và Môi trường	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
5.	Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm móc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	7
6.	Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	11
7.	Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	12
8.	Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	14
9.	Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	18

Sst	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
10.	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kích bản nguồn nước	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	19
11.	Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.	20
III LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG				
12.	Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	21
13.	Phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.	22
14.	Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.	23
15.	Lập nhiệm vụ điều tra, đánh giá chi tiết, xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.	24

Stt	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết và Môi trường	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
	môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn			
16.	Ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.	25
17.	Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.	26
18.	Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện	Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	27
IV	LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN			29
19.	Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác	- Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài chính.	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	29

Stt	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
20.	Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương	- Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Luật Khoáng sản năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	29
V	LĨNH VỰC TỔNG HỢP			
21.	Phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh hoặc theo phân cấp - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.	30
VI	LĨNH VỰC ĐO ĐẶC VÀ BẢN ĐỒ			
22.	Di dời, phá dỡ mốc đo đạc	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường	- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.	31
23.	Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trung tâm Công nghệ thông tin hoặc Văn phòng Đăng ký Đất đai	- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.	34
24.	Tiêu hủy thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên	- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của	35

Stt	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
		và Môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin hoặc Văn phòng Đăng ký Đất đai)	Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.	
VII CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC				
25.	Xét thăng hạng địa chính viên hạng III	- Cơ quan giải quyết TTHC: Trung tâm Phát triển quỹ đất, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai. - Cơ quan giải quyết TTHC: Trung tâm Phát triển quỹ đất, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai.	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. - Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính; - Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.	36 36
26.	Xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II			39
27.	Xét thăng hạng điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III	Cơ quan giải quyết TTHC: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số	41

Stt	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
28.	Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II	<i>Cơ quan giải quyết TTHC:</i> Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)	115/2020/NĐ-CP. - Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. - Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV.	43
29.	Xét thăng hạng dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III	<i>Cơ quan giải quyết TTHC:</i> Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.	45
30.	Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II	<i>Cơ quan giải quyết TTHC:</i> Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)	- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. - Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV.	47

Stt	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
31.	Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III	Cơ quan giải quyết TTHC: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.	49
32.	Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II	Cơ quan giải quyết TTHC: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)	- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. - Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV.	52
33.	Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III	Cơ quan giải quyết TTHC: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)		54
34.	Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II	Cơ quan giải quyết TTHC: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)		56
35.	Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng II	Cơ quan giải quyết TTHC: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019.	59

Stt	Tên TTHC nội bộ	Thẩm quyền giải quyết	Văn bản quy định TTHC nội bộ	Trang
		(Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)	- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.	
36.	Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III	<i>Cơ quan giải quyết TTHC:</i> Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)	- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức. - Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn; Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV.	61
B	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN			63
	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			63
37.	Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp huyện.	Lệnh Bảo vệ môi trường năm 2020	63
C	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ			64
	LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG			64
38.	Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện. - Cơ quan thực hiện TTHC: UBND cấp xã.	- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; - Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.	64

**Phần II****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
NGÀNH TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3282 /QĐ-UBND
ngày 06 / 11 /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP TỈNH**I. LĨNH VỰC QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT****1. Thẩm định, phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện****a. Trình tự thực hiện:**

Theo quy định tại khoản 4, 5 Điều 20 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ. Trình tự thủ tục thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện như sau:

- Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện hoàn thiện hồ sơ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh để thẩm định;

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến;

- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các thành viên Hội đồng thẩm định gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định và gửi thông báo kết quả thẩm định quy hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch sử dụng đất gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh;

- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện;

- Báo cáo thuyết minh về quy hoạch sử dụng đất;
- Hệ thống bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định;
- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

d. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ quy hoạch sử dụng đất đến các thành viên Hội đồng thẩm định để lấy ý kiến;
- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ lấy ý kiến, các thành viên Hội đồng thẩm định gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh;
- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng thẩm định và gửi thông báo kết quả thẩm định quy hoạch sử dụng đất đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Trong thời hạn không quá 10 ngày, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tiếp thu, giải trình ý kiến của Hội đồng thẩm định để hoàn thiện hồ sơ quy hoạch sử dụng đất gửi cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh;
- Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ngành là thành viên của hội đồng thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp huyện.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất sử dụng đất cấp huyện.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2024;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

2. Thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện

a. Trình tự thực hiện:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh để thẩm định;
- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến các sở, ngành có liên quan để lấy ý kiến;
- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các sở, ngành có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh;
- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh tổng hợp và gửi thông báo kết quả thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ;
- Căn cứ hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được hoàn thiện, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt xong trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Báo cáo thuyết minh về kế hoạch sử dụng đất;
- Hệ thống bảng biểu, sơ đồ, bản đồ và dữ liệu kèm theo (dạng giấy hoặc dạng số);
- Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

d. Thời hạn giải quyết:

- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh gửi hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến các sở, ngành có liên quan để lấy ý kiến;
- Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, các sở, ngành có trách nhiệm gửi ý kiến bằng văn bản đến cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh;
- Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời gian lấy ý kiến, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh tổng hợp và gửi thông báo

kết quả thẩm định hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ;

- Căn cứ hồ sơ kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện đã được hoàn thiện, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt xong trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức; Ủy ban nhân dân cấp huyện, các Sở, ngành có liên quan khi gửi hồ sơ lấy ý kiến.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường
- Cơ quan phối hợp: UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai năm 2024;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

3. Xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan liên quan đề xuất và tổ chức xây dựng nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- *Bước 2:* Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức liên quan về chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

- *Bước 3:* Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt.

- *Bước 4:* UBND tỉnh xem xét, phê duyệt chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan có liên quan

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

4. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

4.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan liên quan tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- *Bước 2:* Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo Kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước.

- *Bước 3:* Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh.

- *Bước 4:* Trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình UBND tỉnh.

- Dự thảo kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức đối với Dự thảo Kế hoạch thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước; bản sao ý kiến góp ý; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan có liên quan

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Kế hoạch hoặc Kế hoạch của UBND tỉnh.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

4.2. Tổ chức thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- *Bước 2:* Lấy ý kiến Sở, ngành, cơ quan có liên quan về kết quả nhiệm vụ điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

- *Bước 3:* Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt.

- *Bước 4:* UBND tỉnh xem xét, phê duyệt kết quả thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Sở, ngành, cơ quan có liên quan

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

5. Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước

5.1. Lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và

các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- *Bước 3:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ Danh mục trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- *Bước 5:* Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, bao gồm các nội dung chính sau: thuyết minh về việc lựa chọn các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ; cơ sở xác định chức năng của từng hành lang bảo vệ; quá trình tổ chức xây dựng Danh mục.

- Dự thảo Quyết định phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;

- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các sở ngành, có liên quan.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

5.2. Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh.

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan về việc điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

- *Bước 3:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.

- *Bước 5:* Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường, thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;
- Dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ;
- Bản tổng hợp, bản chụp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Tài liệu khác có liên quan.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

5.3. Phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

- *Bước 2:* Lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức liên quan về dự thảo phương án.

- *Bước 3:* Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan và hoàn thiện dự thảo trình UBND tỉnh phê duyệt.

- *Bước 4:* UBND tỉnh xem xét, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình UBND tỉnh.

- Dự thảo phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức đối với Dự thảo phương án; bản sao ý kiến góp ý; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Ủy ban nhân dân cấp huyện

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

6. Quyết định công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức điều tra, xác định vị trí, giá trị dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.
- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.
- *Bước 3:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp ý kiến các Sở, ban ngành, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) để cho ý kiến.
- *Bước 4:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.
- *Bước 5:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt về dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối nội tỉnh.
- *Bước 6:* Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Dự thảo Quyết định phê duyệt kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối;
- Báo cáo thuyết minh việc xác định dòng chảy tối thiểu;
- Sơ đồ dòng chảy tối thiểu của hệ thống sông, suối.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các Sở, ban, ngành có liên quan

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt dòng chảy tối thiểu kèm theo danh mục dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Thông tư số 03/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

7. Ban hành kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về Dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- *Bước 3:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.

- *Bước 4:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- *Bước 5:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

- *Bước 6:* Sở Tài nguyên và Môi trường cập nhật kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải phù hợp với quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; phải phù hợp với phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.

- Xác định được phạm vi các khu vực, tầng chứa nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm và nguyên nhân gây ra; phương án tổ chức thực hiện các giải pháp khoanh định hoặc đưa ra khỏi vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án khai thác nước dưới đất; khu vực cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất; giải pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước dưới đất. Ưu tiên bảo vệ, phục hồi các tầng chứa nước khai thác chính, các tầng chứa nước được khai thác để cấp nước sinh hoạt.

- Việc lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải dựa trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất; thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước dưới đất của mạng quan trắc tài nguyên nước dưới đất, tại công trình khai thác nước dưới đất và các thông tin, số liệu có liên quan khác từ Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia (nếu có).

Trường hợp thông tin, số liệu chưa đảm bảo làm cơ sở lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc bổ sung công tác điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất để phục vụ lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.

- Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất phải đồng bộ, phù hợp với nguồn lực, giải pháp thực hiện; bảo đảm tính khả thi và hiệu quả trong triển khai thực hiện.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

8. Công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

8.1 Công bố danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm:

+ Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

- *Bước 3:* Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- *Bước 4:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.

- *Bước 5:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên kết có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- *Bước 6:* Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- *Bước 7:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- *Bước 8:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- **Bước 9:** Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt;

Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau đây: quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d. Thời gian thực hiện:

- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

- Thời gian lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

8.2. Điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm:

+ Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan;

+ Ủy ban nhân dân cấp huyện có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

+ Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án.

- *Bước 3:* Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- *Bước 4:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.

- *Bước 5:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Tài nguyên và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Tài nguyên và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.

- *Bước 6:* Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- *Bước 7:* Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- *Bước 8:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Bước 9:* Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình kèm theo dự thảo Quyết định phê duyệt;

Tờ trình phải bao gồm các nội dung chính sau đây: quá trình tổ chức thực hiện; thuyết minh về căn cứ, kết quả khoan định; thuyết minh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất đối với từng khu vực, từng công trình nằm trong vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và việc tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý;

- Dự thảo Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d. Thời gian thực hiện:

- Thời gian lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

- Thời gian lấy ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ phê duyệt vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất: Không quá 30 ngày.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

9. Quyết định đưa ra khỏi danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất khi nguồn nước dưới đất đã phục hồi

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đánh giá lập Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất trên địa bàn cần điều chỉnh; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, UBND cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan về hồ sơ điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Bước 3:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

- *Bước 5:* Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi đề đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ trình, phê duyệt:

- Tờ trình và dự thảo Quyết định điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo điều chỉnh Bản đồ phân vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Dự thảo điều chỉnh phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất;

- Bản tổng hợp tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, bản chụp văn bản góp ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các đơn vị có liên quan;

- Tài liệu khác có liên quan.

d. Thời gian thực hiện: *Không quy định.*

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh Danh mục vùng cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.

h. Phí, lệ phí (nếu có): *Không quy định.*

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: *Không quy định.*

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: *Không quy định.*

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

10. Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước

a. Trình tự thực hiện

- *Bước 1:* Căn cứ kịch bản nguồn nước do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố và các yêu cầu quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành và các tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước trên lưu vực sông liên tỉnh thuộc phạm vi quản lý, xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

- *Bước 2:*

- + Sở Xây dựng và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sinh hoạt thuộc phạm vi quản lý.

- + Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.

+ Sở Công Thương xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước cấp cho sản xuất điện.

+ Tổ chức quản lý, vận hành công trình khai thác, sử dụng nước xây dựng kế hoạch khai thác tài nguyên nước đối với công trình.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

h. Phí, lệ phí (nếu có): không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: *Không quy định.*

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

11. Lập danh mục các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn quản lý phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương và các đơn vị liên quan thực hiện rà soát, xây dựng danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành trên các lưu vực sông thuộc phạm vi tỉnh.

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan, tổ chức lưu vực sông, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- *Bước 3:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

- *Bước 4:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

b. Cách thức thực hiện: Không quy định.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của UBND cấp tỉnh phê duyệt Danh mục đập, hồ chứa phải xây dựng quy chế phối hợp vận hành.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Tài nguyên nước năm 2023;

- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

III. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

12. Phê duyệt Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Đồng Nai.

- *Bước 2:* Lấy ý kiến Sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, (Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố giáp ranh trong trường hợp cần thiết) và các chuyên gia về lĩnh vực liên quan về dự thảo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Đồng Nai.

- *Bước 3:* Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Đồng Nai.

- *Bước 4:* UBND tỉnh ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Đồng Nai.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, dự thảo kế hoạch dự thảo quyết định ban hành kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo Kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

d. Thời gian thực hiện: Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định ban hành Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí tỉnh Đồng Nai .

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

13. Phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên cấp tỉnh

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan lập Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên tỉnh Đồng Nai.

- *Bước 2:* Lấy ý kiến Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và các chuyên gia trong lĩnh vực về chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên (đa dạng sinh học, lâm nghiệp,...).

- *Bước 3:* Tổng hợp, tiếp thu, giải trình góp ý và hoàn thiện dự thảo Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên tỉnh Đồng Nai.

- *Bước 4:* UBND tỉnh phê duyệt Đề án chi trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên tỉnh Đồng Nai.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình, dự thảo đề án, dự thảo quyết định phê duyệt đề án;
- Báo cáo giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo Đề án;
- Văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt Đề án chỉ trả dịch vụ hệ sinh thái tự nhiên trên tỉnh Đồng Nai.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

14. Phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* UBND cấp tỉnh chủ trì, hoặc giao cho cơ quan chuyên môn về lĩnh vực môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh; nội dung của kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh được quy định tại khoản 4 Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- *Bước 2:* Cơ quan chuyên môn về lĩnh vực môi trường cấp tỉnh gửi kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh lấy ý kiến góp ý của các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan về kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh nhằm phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia thực hiện kinh tế tuần hoàn quy định tại khoản 4 Điều Điều 139 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

- *Bước 3:* UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

- *Bước 4:* : UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và kế hoạch hành động của quốc gia.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch hành động thực hiện kinh tế tuần hoàn cấp tỉnh.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

15. Lập nhiệm vụ điều tra, đánh giá chi tiết, xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm trên địa bàn

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu đề xuất UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch khu vực phải điều tra, đánh giá sơ bộ và điều tra, đánh giá chi tiết.

- *Bước 2:* Căn cứ kết quả điều tra, đánh giá chi tiết để khoanh vùng, lập bản đồ khu vực ô nhiễm môi trường đất với các thông tin về chất gây ô nhiễm, mức độ ô nhiễm, phạm vi ô nhiễm và xây dựng phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường.

- *Bước 3:* Công bố thông tin và khoanh vùng khu vực đất có nguy cơ bị ô nhiễm và phương án xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường để theo dõi, giám sát.

- *Bước 4:* Cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục liên quan đến đất đai (thu hồi đất hoặc mượn đất) để có mặt bằng sạch bàn giao cho đơn vị xử lý.

- *Bước 5:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố hoặc ủy quyền cho cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh công bố thông tin cho cộng đồng về kết quả xử lý, cải tạo và phục hồi

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tờ trình, dự thảo kế hoạch dự thảo quyết định ban hành kế hoạch; báo cáo tổng hợp, giải trình tiếp thu hoàn thiện dự thảo Kế hoạch; văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan.

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt báo cáo tổng kết nhiệm vụ.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Theo biểu mẫu do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

16. Ban hành Quyết định về xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp đơn vị liên quan xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được xác định trong quy hoạch tỉnh Đồng Nai trong kỳ quy hoạch 2021-2030 tầm nhìn đến 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 586/QĐ-UBND ngày 03/7/2024.

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và Môi trường gửi hồ sơ lấy ý kiến góp ý các đơn vị liên quan về vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và hoàn thiện hồ sơ.

- *Bước 3:* Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được xác định trong quy hoạch tỉnh Đồng Nai trong kỳ quy hoạch 2021-2030 tầm nhìn đến 2050.

- *Bước 4:* UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Đồng

Nai đã được xác định trong quy hoạch tỉnh Đồng Nai trong kỳ quy hoạch 2021-2030 tầm nhìn đến 2050.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã được xác định trong quy hoạch tỉnh Đồng Nai trong kỳ quy hoạch 2021-2030 tầm nhìn đến 2050.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của TTHC: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

17. Phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* UBND cấp xã thực hiện điều tra thu thập thông tin cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề. Trên cơ sở đó rà soát, báo cáo UBND cấp huyện danh sách cơ sở, hộ gia đình sản xuất thuộc ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề; cơ sở, hộ gia đình không thực hiện kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề và các trường hợp quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 35 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- *Bước 2:* UBND cấp huyện trình UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình sản xuất ra khỏi làng nghề.

- *Bước 3:* UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

- c. **Thành phần, số lượng hồ sơ:** Không quy định.
- d. **Thời gian thực hiện:** Không quy định.
- e. **Đối tượng thực hiện TTHC:** UBND cấp xã, UBND cấp huyện.
- f. **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**
 - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
 - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND cấp huyện
- g. **Kết quả thực hiện TTHC:** Kế hoạch chuyển đổi ngành, nghề không khuyến khích phát triển tại làng nghề, di dời cơ sở, hộ gia đình ra khỏi làng nghề.
- h. **Phí, lệ phí (nếu có):** Không quy định.
- i. **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.
- j. **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.
- k. **Căn cứ pháp lý của TTHC:** Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

18. Lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Trên cơ sở Quyết định xác định vị trí, ranh giới của vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải trên địa bàn quản lý đã được xác định trong quy hoạch tỉnh trong kỳ quy hoạch; Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ chủ trì, phối hợp các đơn vị liên quan xác định các cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại điểm a khoản 4 điều 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- *Bước 2:* Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ tổ chức làm việc với các doanh nghiệp này về việc chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác bảo đảm đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng lộ trình thực hiện.

- *Bước 3:* Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ trình UBND tỉnh xem xét, ban hành Quyết định lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

- *Bước 4:* UBND tỉnh phê duyệt, ban hành Quyết định lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ lý

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan được UBND tỉnh giao thực hiện

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định xác định lộ trình thực hiện chuyển đổi loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đổi mới công nghệ, thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đang hoạt động trong vùng bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải đã được xác định trên địa bàn quản lý.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

IV. LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN

19. Lập dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác

a. Trình tự thực hiện

- *Bước 1:* Căn cứ thực tế nguồn thu hàng năm từ hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, Sở Tài chính phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

- *Bước 2:* Sở Tài chính lấy ý kiến các Sở, ngành liên quan, UBND cấp huyện đối với Dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

- **Bước 3:** Sở Tài chính trình UBND tỉnh Dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác để trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

- **Bước 4:** Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

- Dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

- Tờ trình dự thảo Dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

- Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác.

d. Thời gian thực hiện: Lấy ý kiến và trình thông qua dự toán chi ngân sách hỗ trợ để nâng cấp, cải tạo các hạng mục công trình cho địa phương nơi có khoáng sản được khai thác: không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Nghị quyết của HĐND tỉnh.

h. Phí, lệ phí (nếu có): không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Khoáng sản năm 2010 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

20. Phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương

a. Trình tự thực hiện

- **Bước 1:** UBND cấp huyện lập và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn qua phần mềm thủ tục hành chính nội bộ của tỉnh hoặc trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

- **Bước 2:** Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát về khối lượng, kinh phí thực hiện và thảo luận dự toán kinh phí thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác với UBND cấp huyện.

- **Bước 3:** Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp dự toán kinh phí Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác và lấy ý kiến thống nhất của Sở Tài chính.

- **Bước 4:** Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

- Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

- Văn bản của UBND cấp huyện trình Sở Tài nguyên và Môi trường Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến Sở Tài chính đối với Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

- Văn bản của Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương.

d. Thời gian thực hiện: không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g. Kết quả thực hiện TTHC: Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh.

h. Phí, lệ phí (nếu có): không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Khoáng sản năm 2010 và Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

V. LĨNH VỰC TỔNG HỢP

21. Phê duyệt Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- *Bước 2:* Dự toán kinh phí thực hiện.

- *Bước 3:* Tổ chức lấy ý kiến góp ý (nội bộ, ngoài sở).

- *Bước 4:* Lập Báo cáo tiếp thu giải trình và hoàn thiện dự thảo Kế hoạch.

- *Bước 5:* Thẩm định và Trình phê duyệt Kế hoạch

- *Bước 6:* Ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình xin phê duyệt kế hoạch.

- Kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

d. Thời gian thực hiện: không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh hoặc theo phân cấp

- Cơ quan trực tiếp giải quyết TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

VI. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

22. Di dời, phá dỡ mốc đo đạc

a. Trình tự thực hiện:

a1. Việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định sau đây:

- *Bước 1:* Cơ quan, tổ chức và cá nhân gửi văn bản về việc yêu cầu di dời mốc đo đạc tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong đó nêu rõ lý do cần phải di dời. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc di dời đối với mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan giải quyết;

- *Bước 2:* Khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập thiết kế kỹ thuật - dự toán về việc di dời mốc đo đạc trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức lập và gửi thiết kế kỹ thuật - dự toán tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan để thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- *Bước 3:* Cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc chuyển kinh phí đã được phê duyệt theo thiết kế kỹ thuật - dự toán cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc;

- *Bước 4:* Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

a2. Việc di dời mốc đo đạc khi giao đất cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định sau đây:

- *Bước 1:* Cơ quan có thẩm quyền giao đất theo quy định của pháp luật về đất đai có trách nhiệm tổ chức rà soát, kiểm đếm các mốc đo đạc có trên diện tích đất dự kiến giao cho cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi Sở Tài nguyên và môi trường để làm căn cứ lập thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- *Bước 2:* Sở Tài nguyên và môi trường dự toán kinh phí di dời mốc đo đạc được phê duyệt là căn cứ để cơ quan, tổ chức, cá nhân chi trả bồi thường cho việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất dự kiến sẽ giao;

- *Bước 3:* Cơ quan, tổ chức yêu cầu di dời mốc đo đạc chuyển kinh phí đã được phê duyệt theo thiết kế kỹ thuật - dự toán cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc;

- *Bước 4:* Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ. Đối với mốc đo đạc không thuộc

phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

a3. Việc di dời mốc đo đạc do ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, thiên tai và tác động ngoại cảnh khác làm mất, hư hỏng, thay đổi vị trí được thực hiện như sau:

- *Bước 1:* Sở Tài nguyên và Môi trường lập, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán di dời các mốc đo đạc thuộc phạm vi quản lý của mình, tổ chức triển khai thực hiện việc di dời sau khi được phê duyệt;

- *Bước 2:* Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí, Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc di dời mốc đo đạc;

- *Bước 3:* Sau khi hoàn thành việc di dời mốc đo đạc, Sở Tài nguyên và Môi trường bàn giao kết quả di dời mốc đo đạc theo quy định tại khoản 7 Điều 36 của Luật Đo đạc và bản đồ và quy định tại khoản 3 Điều 12 Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ. Đối với mốc đo đạc không thuộc phạm vi quản lý, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi kết quả di dời mốc đo đạc tới bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định

d. Thời hạn giải quyết: Không quy định

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc sử dụng mốc đo đạc

f. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp (nếu có): UBND cấp xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường, các Sở ban ngành.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản chấp thuận của UBND tỉnh về việc di dời, phá dỡ mốc đo đạc;
- Quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật – dự toán;
- Biên bản bàn giao hiện trạng mốc đo đạc kèm theo sơ đồ vị trí, danh sách kèm theo hồ sơ vị trí mốc đo đạc.

h. Lệ phí (nếu có): Không quy định

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

23. Lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

a. Trình tự thực hiện:

- *Bước 1:* Tiếp nhận văn bản đề nghị giao nộp sản phẩm và phân công thực hiện.

Bước 2: Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tiếp nhận và lập biên bản bàn giao (theo Mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/03/2019 của Chính phủ)

Bước 3: Cơ quan, tổ chức lưu trữ có trách nhiệm tổ chức việc lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, đảm bảo đủ cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị phục vụ việc lưu trữ, bảo quản an toàn, thuận tiện cho việc khai thác, sử dụng.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d. Thời gian thực hiện: không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Trung tâm Công nghệ thông tin hoặc Văn phòng Đăng ký Đất đai

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Đưa sản phẩm tiếp nhận vào lưu trữ.

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

24. Tiêu hủy thông tin, dữ liệu và sản phẩm đo đạc và bản đồ

a. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Hàng năm cơ quan, tổ chức lưu trữ thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ lập danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng đề nghị tiêu hủy, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường

Bước 2: Sở Tài nguyên và Môi trường lập tờ trình kèm theo danh mục thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị tiêu hủy.

Bước 3: Sau khi nhận được ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ, Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ bao gồm:

- Văn bản đề nghị tiêu hủy của cơ quan lưu trữ có tài liệu hết giá trị sử dụng.
- Tờ trình đề nghị tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm hết giá trị sử dụng của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Văn bản chấp thuận về việc tiêu hủy của Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Quyết định thành lập Hội đồng tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.
- Biên bản xác định giá trị thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ của Hội đồng Tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc, bản đồ.
- Văn bản đề nghị thẩm định của cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị gửi Sở Nội vụ thẩm định thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị cần tiêu hủy theo quy định của pháp luật về lưu trữ.
- Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.
- Quyết định tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ hết giá trị của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Biên bản bàn giao thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ để tiêu hủy.
- Biên bản tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm và bản đồ hết giá trị.

d. Thời gian thực hiện: không quy định

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm Công nghệ thông tin hoặc Văn phòng Đăng ký Đất đai)

- Cơ quan phối hợp: Sở Nội vụ

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Biên bản tiêu hủy thông tin, dữ liệu, sản phẩm và bản đồ hết giá trị

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;

- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP.

VII. LĨNH VỰC CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

25. Xét thăng hạng địa chính viên hạng III

a. Trình tự thực hiện

- *Bước 1:* Trên cơ sở vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNNCL) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ĐVSNNCL rà soát nhu cầu xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, xây dựng Đề án xét thăng hạng.

- *Bước 2:* Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh Địa chính viên hạng III.

- *Bước 3:* Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu, chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- *Bước 4:* Giám đốc ĐVSNNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập, làm việc theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- *Bước 5:* Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

- **Bước 6:** Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- **Bước 7:** Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;

2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;

3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính.

Trường hợp viên chức có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;

- Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

d. Thời gian thực hiện:

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phát triển quỹ đất, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh địa chính viên hạng III

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch;

- Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

26. Xét thăng hạng chức danh địa chính viên hạng II

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh Địa chính viên hạng III.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu, chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp (nếu cần).

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập, làm việc theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 1 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh địa chính viên hạng III.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Phát triển quỹ đất, Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, Văn phòng Đăng ký đất đai.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh địa chính viên hạng II

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch;

- Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành địa chính;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

27. Xét thăng hạng điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 2 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Điều tra viên tài nguyên môi trường.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng III

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

28. Xét thăng hạng Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 2 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Điều tra viên tài nguyên môi trường.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.
- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.
- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường - Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Điều tra viên tài nguyên môi trường hạng II

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành điều tra tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 53/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

29. Xét thăng hạng dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản

2 Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;

2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;

3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp ngành Dự báo viên khí tượng thủy văn.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP).

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng III

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

30. Xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều

kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 3 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh địa chính viên hạng III.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Dự báo viên khí tượng thủy văn hạng II

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành dự báo khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 54/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

31. Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan

quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Kiểm soát viên khí tượng thủy văn.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định

báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng III

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch;

- Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

32. Xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 4 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;

2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;

3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Kiểm soát viên khí tượng thủy văn hạng II

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch;

- Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.
- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.
- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.
- Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành kiểm soát khí tượng thủy văn;
- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

33. Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản

2 Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;

2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;

3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp ngành Quan trắc viên tài nguyên môi trường.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng III

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch;

- Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

34. Xét thăng hạng Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 5 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp ngành Quan trắc viên tài nguyên môi trường.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Quan trắc viên tài nguyên môi trường hạng II

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch;

- Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành quan trắc tài nguyên môi trường;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 56/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

35. Xét thăng hạng Đo đặc bản đồ viên hạng II

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh Đo đặc bản đồ viên hạng II.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 1 Điều 6 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Đo đặc bản đồ.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp đo đạc bản đồ viên hạng II.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng II

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch;

- Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV.

36. Xét thăng hạng Đo đạc bản đồ viên hạng III

a. Trình tự thực hiện

Bước 1: Đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) xây dựng Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp làm cơ sở thực hiện, đồng báo cáo cơ quan quản lý biết. Nội dung của Đề án theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020.

Bước 2: Viên chức đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp nộp hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III.

Bước 3: Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ tổng hợp nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp và danh sách viên chức có đủ tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trình Giám đốc ĐVSNCL xem xét, quyết định cử viên chức dự thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 4: Giám đốc ĐVSNCL quyết định thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thành lập theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP. Hội đồng xét thăng hạng thành lập ban giúp việc theo Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Bước 5: Quyết định tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 6 Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT đối với viên chức dự xét thăng hạng bằng hình thức thẩm định hồ sơ.

Bước 6: Xác định viên chức trúng tuyển, công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và thông báo kết quả xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Bước 7: Bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

b. Cách thức thực hiện: Viên chức nộp hồ sơ trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tham mưu công tác tổ chức cán bộ của ĐVSNCL.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng được thực hiện 1 bộ hồ sơ, gồm:

1. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất 30 ngày trước thời gian cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng;
2. Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký xét thăng hạng theo quy định;
3. Bản sao văn bằng, chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Đo đạc bản đồ.

d. Thời gian thực hiện:

- Tổng thời gian thực hiện: theo Đề án tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ xét thăng hạng và xác định danh sách người trúng tuyển, Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo, trình Giám đốc ĐVSNCL phê duyệt kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.
- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt kết quả kỳ xét thăng hạng, Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.
- Quyết định bổ nhiệm và xếp lương ở chức danh nghề nghiệp mới đối với viên chức trúng tuyển trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định công nhận kết quả thăng hạng.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Viên chức có nguyện vọng thăng hạng chức danh nghề nghiệp đo đạc bản đồ viên hạng III.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường (Đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc công nhận kết quả kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;
- Quyết định của Giám đốc ĐVSNCL về việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh Đo đạc bản đồ viên hạng III.

h. Phí, lệ phí (nếu có): không thu phí.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Sơ yếu lý lịch;
- Mẫu số 05, 06 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 07/12/2020

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

- Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

- Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

- Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV ngày 08/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức đo đạc bản đồ;

- Thông tư số 12/2022/TT-BTNMT ngày 24/10/2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 57/2015/TTLT-BTNMT-BNV

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP HUYỆN

37. Lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn

a. Trình tự thực hiện

- *Bước 1:* Cơ quan chủ trì (do UBND cấp huyện giao thực hiện) thực hiện điều tra thu thập thông tin về hiện trạng hoạt động của các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn các huyện, thành phố. Trên cơ sở đó rà soát, báo cáo UBND cấp huyện danh sách các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn.

- *Bước 2:* Dựa trên thông tin đã thu thập, cơ quan chuyên môn cấp huyện lập danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung; tổng hợp báo cáo, đề xuất UBND cấp huyện.

- *Bước 3:* UBND cấp huyện xem xét, ký ban hành danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn; báo cáo UBND cấp tỉnh.

- *Bước 4:* UBND cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị liên quan, chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp triển khai xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung tại các cụm công nghiệp trên địa bàn.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

- Phiếu thu thập thông tin/biên bản khảo sát;
- Báo cáo kèm Danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn của cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ.
- Văn bản báo cáo của UBND cấp huyện gửi UBND cấp tỉnh.

d. Thời gian giải quyết: Không quy định.**e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** UBND cấp huyện.**f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh.
- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn cấp huyện được giao nhiệm vụ

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Báo cáo phê duyệt Danh mục các cụm công nghiệp không có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung trên địa bàn

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không quy định.**j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không quy định.**k. Căn cứ pháp lý của TTHC:** Luật bảo vệ môi trường năm 2020.**C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ CẤP XÃ****38. Phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề do UBND cấp xã trên địa bàn trình****a. Trình tự thực hiện**

- *Bước 1:* UBND cấp xã giao tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề xây dựng phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề thuộc địa bàn quản lý.
- *Bước 2:* Trên cơ sở phương án đã xây dựng, UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo, trình UBND cấp huyện phê duyệt (thông qua cơ quan chuyên môn được UBND cấp huyện giao tiếp nhận, thẩm định)
- *Bước 3:* Cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thẩm định phương án.
- *Bước 4:* Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị, cơ quan chuyên môn tổng hợp, trình UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt phương án (trường hợp phương án phù hợp)/hoặc đề nghị UBND cấp xã hoàn chỉnh lại phương án theo ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.

- *Bước 5:* UBND cấp huyện ban hành Quyết định phê duyệt.

b. Cách thức thực hiện: Trực tiếp, Trực tuyến (qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản) hoặc qua dịch vụ bưu chính.

c. Thành phần hồ sơ:

- Văn bản đề nghị phê duyệt kèm phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề của UBND cấp xã thực hiện

- Báo cáo thẩm định phương án của cơ quan chuyên môn.

d. Thời gian giải quyết: Không quy định.

e. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

f. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã.

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án bảo vệ môi trường cho làng nghề

h. Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

- Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ./.